

Bản án số: 125/2017/HSST

Ngày: 24-7-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Ngọc.

2. Ông Nguyễn Công Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2017/HSST ngày 07-7-2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2017/HSST-QĐ ngày 13-7-2017 đối với bị cáo:

Vũ Đức L - sinh năm 1969 tại Hải Dương.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: số nhà 23/306 Đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/10; Con ông Vũ Ngọc C (Vũ Mạnh C - đã chết) và bà Bùi Thị L, sinh năm 1946. Tiền án, tiền sự: Chưa. Tạm giữ: 01/5/2017; Tạm giam: 04/5/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

1. Anh Bùi Đức Đ, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***. Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1964.

2. Anh Nguyễn Công P, sinh năm 1992.

Đều cư trú tại số 1A phố Đ, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với anh A, chủ nhà nghỉ H ở số 1A phố Đ, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên khoảng 14h ngày 28/4/2017, Vũ Đức L đi bộ từ nhà đến nhà nghỉ H chơi. Khi đi L mang theo 01 thanh kim loại dài khoảng 40cm (dạng lưỡi lê). Đến nhà nghỉ, L đi lên tầng 2 thì thấy phòng 201 điện sáng không khóa cửa, L vào phòng xem có ai để chiếm đoạt tài sản thì thấy chị Nguyễn Thị P là khách thuê phòng đang ngồi ở giường. L cầm 01 thanh kim loại mang theo từ trước đe dọa chị P và hỏi “mày có tiền không” chị P nói “em không có” thì L cầm thanh sắt nhọn đâm 01 phát vào đùi phải chị P gây rách da chảy máu. Thấy chiếc điện thoại Iphone 6s màu hồng của chị P đang để trên giường. L cầm điện thoại và bắt chị P xóa mật khẩu rồi bảo chị P “tháo dây chuyền ra”, chị P sợ nên phải tháo dây chuyền vàng đang đeo ở cổ đưa cho L. Sau đó L lấy trong ví của P số tiền 150.000đ. Thấy anh Tuấn đi lên, L chửi và đập vào mặt chị P rồi bỏ đi. Sau khi chiếm đoạt được tài sản L đưa chiếc điện thoại Iphone 6S cho bạn Nguyễn Thị L đi cầm cố cho anh Bùi Đức Đ là chủ cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại lấy số tiền 2.000.000đ, còn sợi dây chuyền vàng L mang đến bán cho chị Nguyễn Thị Y lấy số tiền 2.400.000đ. Số tiền trên L đã chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 thanh kim loại dài khoảng 40cm (dạng lưỡi lê), phần chuôi hình trụ tròn, đường kính khoảng 05cm được bọc bằng vỏ kim loại màu vàng, phần thân có 04 cạnh nhỏ dần về phía đầu, mũi nhọn, có vỏ bọc kim loại màu đen.

Ngày 02/5/2017, chị Nguyễn Thị Y đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương 01 sợi dây kim loại màu vàng, dài 46cm, ở móc khóa có chữ ITUW7,5 và một mặt kim loại màu vàng dạng

móc khuyên có tổng trọng lượng là 1,318 chỉ. Anh Đ tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6S.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 171/KL-HĐĐG ngày 12/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương kết luận:

+. 01 chiếc dây chuyền, chất liệu vàng tây, hàm lượng vàng 76,83%, trọng lượng 1,3 chỉ là 4,290.000đ.

+. 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng là 10.500.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá nêu trên. Người bị hại: Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì tài sản chị đã nhận lại, số tiền 150.000đ chị xác định cho bị cáo, không yêu cầu hoàn trả. Đối với vết thương ở chân không có yêu cầu gì. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đ xác định cho bị cáo số tiền 2.000.000đ. Chị Y đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả cho chị số tiền 2.400.000đ. (Quan điểm của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thông qua nội dung đơn xin xét xử vắng mặt).

Tại Cáo trạng số 127/VKS-HS ngày 06/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Vũ Đức L về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự (được viết tắt là BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Đức L phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức L từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 01/5/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 42 BLHS.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Y số tiền 2.400.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS .

Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kim loại dài khoảng 40cm (dạng lưỡi lê), phần chuôi hình trụ tròn đường kính khoảng 05cm được bọc bằng vỏ kim loại màu vàng, phần thân có 04 cạnh nhỏ dần về phía đầu, mũi nhọn, có vỏ bọc kim loại màu đen.

Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14h ngày 28/4/2017, tại phòng 201 của nhà nghỉ H ở số 1A phố Đ, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vũ Đức L sử dụng 01 thanh kim loại (dạng lưỡi lê) đe dọa, đánh chị Nguyễn Thị P để chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 6S, 01 dây chuyền vàng tây trọng lượng 1,3 chỉ và số tiền 150.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 14.940.000đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản và xâm phạm vào tính mạng, sức khỏe của chị P được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã dùng lời nói đe dọa và sử dụng vũ lực ngay tức khắc (sử dụng 01 thanh kim loại dạng lưỡi lê đâm vào đùi phải chị P gây rách da chảy máu) làm cho chị P lâm vào tình trạng tê liệt ý chí, không thể chống cự được để chiếm đoạt tiền, điện thoại, dây chuyền. Việc bị cáo sử dụng thanh kim loại dạng lưỡi lê để chiếm đoạt tài sản được xác định là “sử dụng phương tiện nguy hiểm,, theo quy định tại điểm 2.2 mục 2 Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 1987 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Hải Dương xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản của công dân tại bản án số 48/ST ngày 05/8/1987. Năm 1988, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng xử phạt 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân, tổng hợp với hình phạt của bản án số 48/ST ngày 05/8/1987, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 tháng tù. Năm 1990, Tòa án nhân dân Tối cao xử 15 năm tù về tội cướp tài sản, 3 năm về tội chống người thi hành công vụ, 2 năm về tội cố ý gây thương tích, 1 năm về tội hủy hoại tài sản. Tổng hợp là 20 năm tại bản án số 1052 ngày 11 tháng 9 năm 1990. Năm 1996 Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 03 năm về tội cố ý gây thương tích. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2009. Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 195/QĐXP ngày 06/8/2013; Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 193/QĐXP ngày 27/5/2015; Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 237/QĐXP ngày 18/8/2015 bị cáo đều bị Công an thành phố Hải Dương ra quyết định xử phạt bằng hình thức phạt tiền (cả ba quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Công an thành phố Hải Dương đều không giao được cho bị cáo và cũng không tiến hành niêm yết theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính). Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS): Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên xét nhân thân và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế bản thân không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị P, anh Đ không có yêu cầu gì đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt mà xác định cho bị cáo. Xét việc nhận và cho của bị cáo và chị P, anh Đ là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Y yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.400.000đ là tiền bị cáo bán chiếc dây chuyền cho chị Y, chị Y không biết đó là tài sản do phạm tội mà có,

xét yêu cầu của chị là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vật chứng: Đối với thanh kim loại dạng lưỡi lê, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu cho tiêu hủy.

Chị Nguyễn Thị L, Bùi Đức Đ, Nguyễn Thị Y không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với những người trên.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Vũ Đức L phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức L 07 (bảy) năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 01/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 42 BLHS.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974, trú tại: Đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương số tiền 2.400.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Y có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS .

Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kim loại dài khoảng 40cm (dạng lưỡi lê), phần chuôi hình trụ tròn đường kính khoảng 05cm được bọc bằng vỏ kim loại màu vàng, phần thân có 04 cạnh nhỏ dần về phía đầu, mũi nhọn, có vỏ bọc kim loại màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 19/7/2017)

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương.
- Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Hải Dương;
- Công an Tp Hải Dương.
- Chi cục THADS TP Hải Dương.
- Bị cáo;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Đào